

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư,
Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách**

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Mục III như sau:

“b) Quy định về hồ sơ thẩm định, xét duyệt:

- Đối với đối tượng còn có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, hồ sơ gồm:

+ Bản khai cá nhân (Mẫu số 1a); hoặc của thân nhân là vợ hoặc chồng hoặc đại diện người thừa kế theo pháp luật (Mẫu số 1b) đối với trường hợp đối tượng đã từ trần, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là xã) nơi thường trú.

Nếu đại diện người thừa kế theo pháp luật làm bản khai thì phải kèm theo giấy ủy quyền của những người cùng hàng thừa kế, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi người ủy quyền thường trú (Mẫu số 1c).

+ Bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục này kèm theo bản chính để đối chiếu.

- Đối với đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc (chỉ có giấy tờ liên quan, hoặc không có giấy tờ), hồ sơ gồm:

+ Bản khai cá nhân hoặc của thân nhân như quy định nêu trên.

+ Bản sao các giấy tờ có liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục này (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu.

+ Biên bản xét và xác nhận của Hội nghị Hội Cựu chiến binh xã (có đại diện cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp đã được hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg hoặc cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp đang hưởng chế độ hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hằng tháng) gửi Ủy ban nhân dân xã xét duyệt (Mẫu số 3).

+ Bản xác nhận và đề nghị Ủy ban nhân dân xã (Mẫu số 4).

Đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) thuộc đối tượng quy định tại Thông tư này nhưng nay thường trú ở địa phương khác, nếu không có đủ giấy tờ chứng nhận đã có thời gian phục vụ trong quân đội thì phải có văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi quê quán của đối tượng hoặc nơi đối tượng nhập ngũ (tuyển dụng vào công nhân viên quốc phòng); hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý đối tượng trước khi nhập ngũ hoặc khi tại ngũ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Mục III như sau:

“2. Trình tự và trách nhiệm của đối tượng, của cơ quan, đơn vị, địa phương và Trung ương

a) Trách nhiệm của đối tượng

- Làm bản khai theo mẫu quy định.

- Nộp 01 bộ hồ sơ gồm: Bản khai và bản sao một trong các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc hoặc bản sao các giấy tờ có liên quan (nếu có) cho Ủy ban nhân dân xã.

b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

- Chỉ đạo, triển khai việc tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối

tượng về nội dung chế độ và tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.

- Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, Ban chỉ huy quân sự xã làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy, đại diện Mặt trận Tổ quốc, đại diện Hội Cựu chiến binh, công an, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết) để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện chế độ cho đối tượng tại địa phương theo quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg và Thông tư này.

- Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Lập danh sách đề nghị Sở Nội vụ và cơ quan Bảo hiểm xã hội địa phương rà soát những đối tượng đã được công nhận là liệt sỹ, đối tượng thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hằng tháng. Tổ chức xét duyệt các đối tượng đã được Hội Cựu chiến binh họp, cho ý kiến. Đối với những trường hợp không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, chưa xác định rõ đối tượng, thời gian tính hưởng, hội nghị lập văn bản xác nhận từng trường hợp cụ thể và xem xét giải quyết sau khi xác minh, kết luận.

- Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã để lấy ý kiến của nhân dân và công bố danh sách đã xét duyệt trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

- Sau 10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh), gồm: Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (Mẫu số 5), kèm theo danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b) và 01 bộ hồ sơ của đối tượng.

Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, Ủy ban nhân dân xã xác minh kỹ, lập văn bản xác nhận và đề nghị từng trường hợp cụ thể (Mẫu số 4) và chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận.

Đối với những trường hợp có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tiếp tục xác minh, xem xét, báo cáo sau.

- Tổ chức xác nhận đối tượng, thời gian phục vụ quân đội (để tính hưởng chế độ) theo đề nghị của đối tượng hiện nay thường trú ở địa phương khác (quy trình tổ chức xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 20 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời cho đối tượng theo đề nghị.

- Tiếp tục xác minh và báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, chưa rõ thời gian tham gia quân đội và còn vướng mắc chưa giải quyết chế độ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách do Bộ chỉ huy quân sự

tỉnh chuyển đến, chỉ đạo cơ quan thuộc quyền thực hiện chi trả cho đối tượng và báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

- Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ thuộc địa phương quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

c) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện chế độ.

- Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban Tổ chức tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Hội Cựu chiến binh, Sở Nội vụ, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Sở Tài chính và sở, ngành có liên quan để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng và các địa phương thuộc quyền triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện.

- Chỉ đạo, chủ trì tổ chức tập huấn cho các ban, ngành chức năng có liên quan; lãnh đạo chính quyền và các cơ quan chức năng cấp xã.

- Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định kết quả xét duyệt của các cấp, tổng hợp báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu (qua Phòng Chính sách).

- Chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

d) Trách nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tuyên truyền phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện ở các cấp.

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân các xã; tổ chức thẩm định, xét duyệt, kiểm tra; tổng hợp báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Lập danh sách, tổng hợp hồ sơ báo cáo Quân khu (qua Phòng Chính sách), gồm: Công văn đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Mẫu số 5); danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b); hồ sơ đối tượng (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách được trên quyết định, tổng hợp, chuyển Ủy ban nhân dân các xã để chỉ đạo cơ quan thuộc quyền thực hiện chi trả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ và hồ sơ (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ) thuộc địa phương đơn vị quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề có liên quan.

đ) Trách nhiệm của cấp Quân khu

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện.

- Tiếp nhận báo cáo, hồ sơ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Tổ chức theo

dối, thẩm định, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị), gồm: Công văn đề nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu (Mẫu số 5); danh sách trích ngang đối tượng (Mẫu số 6a, 6b); hồ sơ đối tượng (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách được trên quyết định, chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chi trả cho đối tượng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành với Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng).

- Chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

e) Trách nhiệm của các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng

- Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị:

+ Chỉ đạo, quản lý việc xét duyệt, thẩm định và đề nghị của các Quân khu; tổng hợp trình Thủ trưởng Tổng cục Chính trị ra quyết định hưởng chế độ cho đối tượng;

+ Lập phiếu thanh toán chế độ trợ cấp một lần và thông báo danh sách đối tượng được hưởng cho các đơn vị;

+ Phối hợp với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng lập dự toán ngân sách báo cáo Bộ Tài chính và lập kế hoạch phân bổ ngân sách cho các đơn vị để tổ chức chi trả cho đối tượng;

+ Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc có liên quan;

+ Lưu danh sách và hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ).

- Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng:

+ Chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị lập dự toán; thông báo và cấp kinh phí cho các đơn vị; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát việc chi trả, thanh quyết toán kinh phí với các đơn vị;

+ Chủ trì, phối hợp với Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị giúp Bộ Quốc phòng thanh, quyết toán với Bộ Tài chính theo quy định hiện hành.

- Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị, Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu:

+ Theo dõi số lượng đối tượng;

+ Phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện.”

3. Thay thế Mẫu số 1a, Mẫu số 1b, Mẫu số 1c, Mẫu số 3, Mẫu số 4, Mẫu số 5, Mẫu số 6a, Mẫu số 6b ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC bằng các Mẫu số 1a, Mẫu số 1b, Mẫu số 1c, Mẫu

số 3, Mẫu số 4, Mẫu số 5, Mẫu số 6a, Mẫu số 6b Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 khoản 1 Mục I Phần I như sau:

“1.1. Đối tượng áp dụng

Quân nhân, cán bộ, công nhân viên chức nhà nước, công nhân viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến 30 tháng 4 năm 1975, về gia đình từ ngày 31 tháng 12 năm 1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hằng tháng và chế độ hưu trí hằng tháng”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 khoản 1 Mục IV Phần I như sau:

“1.1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: quân nhân, cán bộ, công nhân viên chức, công nhân viên chức quốc phòng, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong, dân quân, du kích tập trung, người nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Phần II Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“2. Hồ sơ xét hưởng chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí

2.1. Hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế được lập thành 01 bộ như sau:

- Đơn đề nghị của đối tượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú.

- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc...). Trường hợp đối tượng không còn các

quyết định trợ cấp một lần thì làm bản khai nêu rõ quá trình tham gia kháng chiến chống Mỹ và công tác, được Hội đồng chính sách xã xem xét đề nghị.

2.2. Hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí được lập thành 01 bộ như sau:

- Đơn đề nghị của thân nhân đối tượng có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú.

- Bản sao giấy chứng tử (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này).

- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng thường trú (Mẫu 7C).

- Bản trích sao danh sách đề nghị hưởng chế độ một lần theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg hoặc bản sao một trong các quyết định được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc; trợ cấp một lần) hoặc bản sao quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư này.

- Danh sách tổng hợp của Sở Nội vụ (Mẫu 9E).

- Quyết định của Giám đốc Sở Nội vụ hưởng chế độ mai táng phí (Mẫu 10C).".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Phần III Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng như sau:

"1. Trách nhiệm và trình tự thực hiện của cá nhân, cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt, chi trả chế độ một lần đối với các đối tượng đã về gia đình.

1.1. Trách nhiệm của đối tượng và thân nhân đối tượng

a) Làm bản khai theo mẫu quy định.

b) Nộp 01 bộ hồ sơ gồm: Bản khai và các giấy tờ gốc hoặc giấy tờ được coi là giấy tờ gốc; giấy tờ có liên quan (nếu có) cho Ủy ban nhân dân xã bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ chính sách; tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.

b) Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, cán bộ quân sự, công an, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Ban

hưu trí; mời đại diện cán bộ nguyên phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ chống Mỹ cứu nước, đại diện Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong... để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức xét duyệt theo quy định tại Thông tư này.

c) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Tiến hành phân loại hồ sơ từng đối tượng của các thôn theo ba nhóm: nhóm có giấy tờ gốc; nhóm có giấy tờ liên quan và nhóm không có giấy tờ. Triển khai xét duyệt theo 3 bước:

- Bước 1: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ gốc.
- Bước 2: Xét duyệt cho nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan.
- Bước 3: Xét duyệt cho nhóm đối tượng không có giấy tờ.

Cấp xã chỉ tổ chức xét duyệt cho đối tượng nhóm sau (nhóm có giấy tờ liên quan, nhóm không có giấy tờ), khi cấp tỉnh đã thông báo kết quả xét hưởng đối tượng nhóm trước (nhóm có giấy tờ gốc) của địa phương mình và mời đại diện đối tượng đã được xét hưởng của nhóm trước dự họp.

d) Đề nghị Hội Cựu chiến binh họp xem xét, xác nhận đối tượng (bao gồm cả đối tượng khác quê quán nhưng sinh sống ổn định tại địa phương, có thể xác định được thời gian công tác tính hưởng chế độ).

đ) Tổ chức hội nghị Hội đồng chính sách công khai xét duyệt đối với các đối tượng do Hội Cựu chiến binh đã cho ý kiến bằng văn bản (Ban chỉ huy quân sự, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) tổng hợp danh sách theo phạm vi phân công và báo cáo).

Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc không có giấy tờ được coi là giấy tờ gốc, Hội đồng chính sách có trách nhiệm thẩm tra, xác minh quá trình công tác, thời gian về địa phương trước khi lập văn bản xác nhận (mẫu số 7A).

e) Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt (đối tượng được hưởng; mức hưởng của từng người,...) tại các thôn, ấp; tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để lấy ý kiến của nhân dân.

g) Sau 10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, bao gồm: quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật quốc phòng;

- Qua Sở Nội vụ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm: cán bộ, công nhân viên chức, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong.

h) Tổ chức xác nhận theo đề nghị của đối tượng hiện nay thường trú ở địa phương khác để hưởng chế độ (quy trình xét duyệt và hồ sơ thực hiện như

đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 20 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời đối tượng theo đề nghị.

i) Tiến hành xác minh, tổng hợp báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian được tính hưởng chế độ hoặc các trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết đang có khiếu nại, tố cáo.

Đối với lực lượng mật lập danh sách riêng nêu rõ từng trường hợp đã xác định được và những trường hợp chưa xác định được đề nghị trên xác minh, kết luận.

k) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền chi trả chế độ cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; thông báo kết quả trên các phương tiện thông tin của địa phương.

1.3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tuyên truyền, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện chế độ quy định cho mọi đối tượng tại địa phương.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Sở Nội vụ làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Ban tổ chức tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, cơ quan Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi; mời đại diện cán bộ nguyên là cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng cơ quan quân sự thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Từng địa phương có thể thành lập bộ phận giúp việc với sự tham gia của Ban liên lạc dân quân, du kích tập trung, thanh niên xung phong, những người công tác cùng thời gian ở địa phương để giúp Ban chỉ đạo quyết định các chủ trương, kế hoạch và biện pháp thực hiện.

c) Chỉ đạo, chủ trì tổ chức tập huấn cho các Ban, ngành chức năng có liên quan và các cơ quan chức năng của các xã.

d) Chỉ đạo các ngành chức năng xét duyệt, tổng hợp, báo cáo theo quy định:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt, tổng hợp danh sách đối tượng được hưởng và ngân sách chi trả báo cáo quân khu (qua Cục Chính trị) các đối tượng thuộc thẩm quyền chỉ đạo của Bộ Quốc phòng.

- Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ một lần đối với các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức, dân chính đảng, cán bộ cấp xã, thanh niên xung phong thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết; xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với các đối tượng theo quy định tại Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg và Thông tư này.

đ) Tổng hợp danh sách và kinh phí thực hiện chế độ một lần gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí; chỉ đạo chi trả chế độ

cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

e) Chủ trì giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

g) Đối với lực lượng mật và đối tượng tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K tự về gia đình chưa được hưởng chế độ, chính sách, quê từ huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị trở ra mà không thuộc dân tộc ít người, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quyền phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận từng trường hợp cụ thể trước khi xét duyệt, tổng hợp trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết theo quy định.

1.4. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh các quân khu

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, báo cáo theo quy định.

b) Thành lập Ban chỉ đạo do một đồng chí Phó Tư lệnh Quân khu làm Trưởng ban, Thủ trưởng Cục Chính trị làm Phó Trưởng ban Thường trực và các thành viên gồm: cơ quan Chính sách, Tài chính, Cán bộ, Quân lực, Dân quân tự vệ, Tuyên huấn, Văn phòng và các cơ quan có liên quan.

c) Tổ chức tập huấn cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền về chế độ, chính sách theo quy định và kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện trong địa bàn quân khu.

d) Căn cứ kết quả xét duyệt, đề nghị của cơ quan chức năng, ra quyết định hưởng chế độ. Báo cáo quyết định và danh sách hưởng chế độ trợ cấp về Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị để quản lý theo dõi; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng) kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

đ) Chỉ đạo chi trả chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi đảm nhiệm bằng hình thức trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

e) Lưu trữ, số hóa hồ sơ đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết.

g) Chủ trì kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh ở các cơ quan, đơn vị thuộc quân khu quản lý.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Phần IV Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC

“3. Bộ Nội vụ

Chỉ đạo hệ thống ngành Nội vụ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương xét duyệt, thẩm định và ra quyết định hưởng chế độ một lần, chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí và chế độ hỗ trợ vật chất, tinh thần đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; thanh quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Phần IV Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng theo quy định tại Phần III Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Sở Nội vụ hướng dẫn các xã xét duyệt, báo cáo danh sách đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí trên địa bàn; rà soát, thẩm định, ra quyết định về việc thực hiện chế độ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Thông tư này;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, xem xét, thực hiện hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối với những người tham gia kháng chiến chống Mỹ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.”.

7. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 7 mục V Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Bãi bỏ một số khoản, cụm từ, từ sau:

- Bãi bỏ khoản 2 Phần IV Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba điểm 1.2 khoản 1 Phần II Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ Mẫu 05 ban hành kèm Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đã được thay thế tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu 04, Mẫu 06 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được thay thế tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được thay thế tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “thôn (bản, ấp, tổ dân phố...)... Ban chấp hành” tại Mẫu 7C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đã được thay thế tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “danh hiệu công an nhân dân” tại tiết b điểm 1.2 khoản 1 Mục I Phần I Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ cụm từ “công an nhân dân” tại tên Mục I, điểm 1.1 khoản 1, gạch đầu dòng thứ nhất tiết a điểm 2.1 khoản 2 Mục II, tiết b điểm 1.2 Mục III, điểm 2.1 khoản 2 Mục IV Phần I; tiết b điểm 1.1 khoản 1 Phần II Thông tư liên

tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; Mẫu 1A; Mẫu 2A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được thay thế tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP; Mẫu 2A-1 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được thay thế tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “công an” tại tiết a, b điểm 2.1 khoản 2 Mục I; tên Mục II, gạch đầu dòng thứ ba tiết a điểm 1.1 khoản 1, tiết b, c điểm 1.2 khoản 1 Mục II; tiết c điểm 1.1, tiết b điểm 1.2 khoản 1 Mục III; điểm 2.1 khoản 2 Mục IV Phần I; tiết b điểm 1.1 khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 5 Phần II Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và điểm a khoản 1 Mục I; khoản 1, điểm a khoản 3 Mục III Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4b khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

“2.4b. Thời gian xét duyệt, thẩm định ở các cấp được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban chỉ huy quân sự xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ban chỉ huy quân sự xã báo cáo, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ (hưu trí 05 bộ, trợ cấp 1 lần 04 bộ) báo cáo Bộ Tư lệnh quân khu (qua Cục Chính trị), Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị quân khu hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh quân khu đề nghị Bảo hiểm xã hội Quân đội xem xét, ra quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng theo quy định.

Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, Cục Chính trị hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ trưởng Bộ Tư lệnh đề

ngộ Bảo hiểm xã hội Quân đội xem xét, ra quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng theo quy định.”.

2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, tiết, khoản sau:

a) Bổ sung cụm từ: “bản sao (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này);” vào sau cụm từ “giấy chứng tử” tại điểm b khoản 1 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế một số cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a khoản 1, khoản 3 Mục II, điểm b khoản 1 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự huyện (quận)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại tiết b điểm 2.3 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội các tỉnh (thành phố)” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 3 Mục IV Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại khoản 9 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; danh mục mẫu biểu Phụ lục 2, Mẫu số 05-NĐ159-11, Mẫu số 06-NĐ159-11, Mẫu số 07-NĐ159-11 và Mẫu số 08-NĐ159-11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được thay thế tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Điều 2 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại tiết d điểm 2.4 khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, khoản 9 Điều 1 và đoạn cuối khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” tại Điều 3 các Mẫu số 07-NĐ159-11, Mẫu số 08-NĐ159-11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

c) Bãi bỏ một số tiết, cụm từ sau:

- Bãi bỏ cụm từ “bản chính hoặc” tại dấu cộng thứ hai tiết 2.1 điểm b khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ điểm 2.2 khoản 2 mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại khoản 6 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; Mẫu số 02-NĐ159-11, Mẫu số 03-NĐ159-11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ từ “huyện” tại Phụ lục 2, Mẫu số 03-NĐ159-11, Mẫu số 04-NĐ159-11 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

- Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại điểm 2.1 khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 110/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư liên tịch số 82/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 mục IV Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“2. Hồ sơ xét hưởng chế độ

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng

Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng được lập thành 01 bộ, gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng (Mẫu 1A);

- Một hoặc các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; hoặc giấy tờ liên quan (gồm: bản gốc hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu, theo từng bộ

hồ sơ). Các giấy tờ trên phải chứng minh được ngày, tháng, năm nhập ngũ từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước và tổng thời gian công tác thực tế trong quân đội từ đủ 15 năm trở lên;

- Bản sao căn cước công dân hoặc căn cước;
- Biên bản xét và xác nhận của Hội Cựu chiến binh xã, phường, đặc khu (sau đây viết tắt là xã) (Mẫu 03);
- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (Mẫu 04);
- Công văn đề nghị của các cấp (Mẫu 05), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (Mẫu 6A);
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Mẫu 5A);

Hồ sơ bàn giao Sở Nội vụ tiếp nhận để thực hiện chi trả chế độ hàng tháng, ngoài công văn giới thiệu của Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, gồm:

- Bản khai cá nhân;
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Mẫu 5A);
- Quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của Bộ Tư lệnh Quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần (bao gồm các đối tượng dưới 15 năm và đối tượng đã từ trần)

Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần được lập thành 01 bộ, gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng hoặc thân nhân của đối tượng (Mẫu 1B, Mẫu 1C);
- Một hoặc các giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; hoặc giấy tờ có liên quan (bản sao);
- Biên bản xét và xác nhận của Hội Cựu chiến binh xã (Mẫu 03);
- Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (Mẫu 04);
- Công văn đề nghị của các cấp (Mẫu 05), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu 6B)."

2. Sửa đổi, bổ sung Mục V Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLDTBXH-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“V. TRÁCH NHIỆM VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của đối tượng và thân nhân đối tượng

a) Làm bản khai theo mẫu quy định.

b) Nộp hồ sơ theo quy định bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử cho Ủy ban nhân dân xã, gồm: bản khai của cá nhân hoặc của thân nhân và giấy tờ gốc hoặc giấy tờ được coi là giấy tờ gốc, hoặc giấy tờ liên quan.

c) Bảo đảm tính trung thực của bản khai, các giấy tờ cá nhân và chịu trách nhiệm pháp lý khi có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ, chính sách; quy trình tổ chức thực hiện; trách nhiệm của cá nhân và các cấp.

b) Kiện toàn Hội đồng chính sách xã (thành phần như quy định thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg).

c) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ. Tiến hành phân loại hồ sơ theo 2 nhóm: đối tượng hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng và đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần.

d) Tổ chức xét duyệt theo quy định sau đây:

- Đối với đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, xét duyệt thành 02 đợt: đợt 1 xét duyệt các đối tượng có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc; đợt 2 xét duyệt các đối tượng có các giấy tờ liên quan. Trình tự xét duyệt như đối với đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần.

Trường hợp đối tượng có từ đủ 15 năm trở lên, nhưng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, hoặc giấy tờ liên quan thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp danh sách để xem xét, giải quyết sau.

- Đối với đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần (bao gồm cả đối tượng đã từ trần) phân loại thành 3 nhóm: nhóm có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, nhóm có giấy tờ liên quan và nhóm không có giấy tờ nêu trên. Tổ chức xét duyệt theo 3 bước:

Bước 1: Xét duyệt hồ sơ nhóm đối tượng có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc;

Bước 2: Xét duyệt hồ sơ nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan;

Bước 3: Xét duyệt hồ sơ nhóm đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, hoặc giấy tờ liên quan.

đ) Quy trình xét duyệt ở mỗi bước nêu trên như sau:

- Ban chỉ huy quân sự xã tổng hợp danh sách và hồ sơ từng đối tượng; đề nghị Hội Cựu chiến binh xã họp xem xét, xác nhận đối với từng đối tượng.

- Hội đồng chính sách xã họp công khai xét duyệt đối với các đối tượng đã được Hội Cựu chiến binh họp, cho ý kiến bằng văn bản.

- Tổ chức niêm yết và thông báo danh sách đối tượng đã xét duyệt; sau

10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ (trợ cấp hàng tháng 01 bộ, trợ cấp một lần 01 bộ) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh). Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại tiếp tục xác minh, xem xét báo cáo sau.

Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm xác nhận theo đề nghị của đối tượng là người sinh quán ở địa phương, nhưng hiện đang thường trú ở địa phương khác (quy trình xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không có giấy tờ ở địa phương). Trong thời gian 20 ngày phải trả lời đối tượng (kèm theo văn bản) đề địa phương nơi đối tượng thường trú xét duyệt và đề nghị hưởng chế độ.

e) Căn cứ vào danh sách và quyết định hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, chỉ đạo cơ quan thuộc quyền thực hiện chi trả cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử, thông báo kết quả trên các phương tiện thông tin của địa phương và báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ; đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng và các địa phương thuộc quyền triển khai tổ chức thực hiện.

b) Chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng chế độ, chính sách thông qua các tổ chức và các phương tiện thông tin ở địa phương.

c) Tổ chức tập huấn cho các Ban, ngành chức năng có liên quan và các cơ quan chức năng của xã.

d) Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức xét duyệt hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã báo cáo.

đ) Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh bàn giao và chi trả kịp thời chế độ cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

e) Chỉ đạo việc tổ chức chi trả chế độ cho đối tượng ở các địa phương.

g) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

4. Trách nhiệm của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo; tổ chức tuyên truyền; xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện; bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thuộc quyền.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên cơ sở hồ sơ lưu trữ của đơn vị, xác nhận thời gian công tác trong quân đội cho đối tượng có yêu cầu, Thủ

trường Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác nhận đó.

c) Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân xã, xét duyệt, tổng hợp báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, lập bản xét duyệt và đề nghị đối với từng trường hợp (Mẫu 5A).

d) Làm công văn (Mẫu 05), kèm theo danh sách (Mẫu 6A, 6B) và hồ sơ đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ báo cáo quân khu (qua Phòng Chính sách) theo từng loại đối tượng (trợ cấp hàng tháng mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ; trợ cấp một lần mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ).

đ) Căn cứ quyết định của quân khu và kinh phí được thông báo, chỉ đạo việc chi trả chế độ trợ cấp một lần và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

e) Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ; đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

g) Bàn giao hồ sơ hưởng trợ cấp hàng tháng của đối tượng cho Sở Nội vụ tiếp nhận, chậm nhất không quá 20 ngày, kể từ ngày ký quyết định hưởng chế độ.

h) Chuyển trả giấy tờ bản gốc cho đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng chậm nhất 20 ngày sau khi Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ.

Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, cơ quan Cục Chính trị thực hiện trách nhiệm tương tự Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trong việc chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền và phối hợp với các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội.

5. Trách nhiệm của Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, báo cáo theo quy định.

b) Kiện toàn Ban chỉ đạo. Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị về chế độ, chính sách; kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện.

c) Căn cứ kết quả xét duyệt, đề nghị của cơ quan chức năng, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng (Mẫu 7A, Mẫu 7B); chịu trách nhiệm về tính chính xác, về đối tượng và mức hưởng của đối tượng. Báo cáo danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách hưởng chế độ trợ cấp một lần về Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị để quản lý theo dõi; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng), kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

d) Chỉ đạo chi trả chế độ trợ cấp một lần cho đối tượng theo phạm vi đảm nhiệm bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

đ) Lưu trữ, số hóa hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ

trợ cấp hàng tháng. Đồng thời, chuyển hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh để bàn giao Sở Nội vụ chi trả chế độ.

e) Chỉ đạo, kiểm tra giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

6. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền có trách nhiệm xác nhận hồ sơ thuộc phạm vi quản lý khi có đề nghị của đối tượng hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, bảo đảm tính xác thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác nhận đó.

Trường hợp đơn vị có trách nhiệm xác nhận nay đã sáp nhập, giải thể thì cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp chịu trách nhiệm giải quyết.

7. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng

a) Trách nhiệm của Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra kết quả xét duyệt, quyết định (kèm theo danh sách) hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng của các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Lưu trữ, theo dõi quyết định kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần và danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng do đơn vị báo cáo.

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh; tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Trách nhiệm của Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

- Tiếp nhận quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần do đơn vị báo cáo; tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

- Thông báo kinh phí để các đơn vị chi trả kịp thời cho đối tượng.

- Chỉ đạo và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

- Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

c) Trách nhiệm của Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý xác nhận quá trình công tác trong quân đội cho đối tượng theo yêu cầu, bảo đảm chặt chẽ, chính xác.

- Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện và giải quyết các vướng mắc, phát sinh.”.

3. Thay thế, bãi bỏ một số mẫu biểu, cụm từ sau:

a) Thay thế một số mẫu biểu sau:

Thay thế các Mẫu 7A, Mẫu 7B, Mẫu 09 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP bằng các Mẫu 7A, Mẫu 7B, Mẫu 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thay thế một số cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 1 Mục III; khoản 2, điểm a khoản 3 Mục VI; khoản 2 Mục VII Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 110/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1 khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 82/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 2 Mục VII Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

c) Bãi bỏ một số từ, cụm từ như sau:

- Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu 02, Mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự huyện (quận) hoặc” tại điểm b khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Bãi bỏ cụm từ “đề nghị của thôn (bản, ấp, tổ dân phố)” tại Mẫu 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu 1A, Mẫu 1B, Mẫu 1C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“2. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp đối với từng đối tượng

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng được lập thành 01 bộ (lưu tại Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội), gồm:

- 01 bản khai cá nhân của đối tượng (Mẫu 1A), bản chính;

Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều này (bản chính hoặc bản sao) đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của đối tượng theo hướng dẫn tại Điều 1, 2 và khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã (Mẫu 2), bản chính.

- 01 Công văn xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Mẫu 4), bản chính.

Từng đợt báo cáo các cấp kèm theo Công văn đề nghị (Mẫu 3A); danh sách đối tượng (Mẫu 3B), bản chính.

Hồ sơ bàn giao cho Sở Nội vụ để chi trả chế độ gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng;
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;
- Quyết định và Giấy giới thiệu hưởng trợ cấp hàng tháng của Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần được lập thành 1 bộ (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ: Lưu tại Sở Nội vụ; đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết: Lưu tại Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội), gồm:

- 01 bản khai cá nhân của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần), Mẫu 1B hoặc 1C, bản chính;
- 01 bản sao giấy chứng tử hoặc giấy báo tử tử sĩ (đối với đối tượng đã từ trần). Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được giấy chứng tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân của đối tượng không phải nộp giấy chứng tử;
- Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều này (nếu có);

- 01 Biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã (Mẫu 2), bản chính.

Từng đợt báo cáo các cấp kèm theo Công văn đề nghị (Mẫu 3A); danh sách đối tượng (Mẫu 3C), bản chính.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“Điều 7. Trách nhiệm và trình tự thực hiện

1. Đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần)

- Làm bản khai theo mẫu quy định;
- Nộp cho Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú các giấy tờ sau:

+ Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, gồm: 01 bản khai cá nhân theo Mẫu 1A (bản chính); một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu), đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, đủ điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của bản thân.

+ Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần, gồm: 01 bản khai theo Mẫu 1B hoặc 1C (bản chính); một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú theo thời gian quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm chủ tịch Hội đồng, đại diện Ban chỉ huy quân sự xã, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy (hoặc chi bộ đối với nơi không có đảng bộ), Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu thanh niên xung phong. Hội đồng chính sách xã chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ đối với từng đối tượng, theo từng đợt.

Khi tổ chức hội nghị xét duyệt Hội đồng chính sách xã mời Trưởng thôn, Bí thư chi bộ thôn có đối tượng, Ban liên lạc Hội Cựu thanh niên xung phong và một số đại biểu đại diện cán bộ nguyên phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ chiến tranh; đại biểu đối tượng đã hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg cùng tham dự.

b) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng là người thường trú tại địa phương và đối tượng là người địa phương hiện đang thường trú ở địa phương khác có yêu cầu xác nhận hồ sơ để hưởng chế độ; tổng hợp, kiểm tra, rà soát chuyển Hội đồng chính sách xã tổng hợp, phân loại hồ sơ; tổ chức hội nghị xét duyệt dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác theo quy định sau đây:

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp một lần, thành 3 giai đoạn:

- + Giai đoạn 1: Xét duyệt nhóm đối tượng có giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc;
- + Giai đoạn 2: Xét duyệt nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan;
- + Giai đoạn 3: Xét duyệt nhóm đối tượng không có giấy tờ.

(Quá trình tổ chức xét duyệt, kết hợp xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần với xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ do theo từng đợt, Ủy ban nhân dân xã hoàn thành việc xét duyệt, lập và xác nhận hồ sơ cho từng đối tượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng, gồm quân nhân, cơ yếu, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ; qua Sở Nội vụ đối với đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành, cán bộ xã, công an xã, thanh niên xung phong.

Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng chế độ hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại xác minh, làm rõ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo sau.

c) Căn cứ vào danh sách và quyết định hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tổ chức chi trả chế độ cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử và báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

d) Đối với trường hợp đối tượng sinh quán ở địa phương, hiện đang thường trú ở địa phương khác, có yêu cầu xác nhận hồ sơ thì sau khi Hội đồng chính sách xã xét duyệt, nếu đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân xã xác nhận và đề nghị Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng đang thường trú xem xét, đề nghị hưởng chế độ theo quy định.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền theo quy định sau đây:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp, báo cáo, đề nghị Bộ Tư lệnh quân khu thẩm định (qua Phòng Chính sách), kèm theo hồ sơ và danh sách đối tượng (Mẫu 3B, 3C);

Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng.

- Sở Nội vụ: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu 5) theo quy định và lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.

b) Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết

định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho Sở Nội vụ quản lý, chi trả trợ cấp hàng tháng, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định;

c) Chỉ đạo Sở Nội vụ căn cứ vào quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần của cấp có thẩm quyền theo quy định của Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, hướng dẫn và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hiện hành;

d) Tổng hợp, lập dự toán ngân sách bảo đảm chi trả chế độ cho đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết, báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí;

đ) Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp nhận quyết định, hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao, kịp thời chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định;

e) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

4. Đối với Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, báo cáo theo quy định;

b) Căn cứ kết quả xét duyệt, đề nghị của cơ quan chức năng, trong 05 ngày làm việc, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu 5), chế độ trợ cấp hàng tháng (05 bản chính, Mẫu 6A) cho đối tượng; cấp giấy giới thiệu (03 bản chính Mẫu 6B). Báo cáo danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách hưởng chế độ trợ cấp một lần về Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị để quản lý, theo dõi; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng) kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí;

c) Lưu trữ, số hóa hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng. Đồng thời, chuyển hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng về Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và quyết định kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần để bàn giao Sở Nội vụ chi trả chế độ;

d) Chỉ đạo, kiểm tra giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện;

đ) Chỉ đạo, thực hiện việc trả lại các giấy tờ gốc, giấy tờ được coi là giấy tờ gốc và giấy tờ liên quan (bản chính) cho đối tượng.

5. Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền có trách nhiệm xác nhận quá trình công tác cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (Mẫu 7) khi có đề nghị của đối tượng hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, bảo đảm tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận đó.

6. Đối với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng

a) Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra kết quả xét duyệt, quyết định (kèm theo danh sách) hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng của các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Lưu trữ, theo dõi quyết định kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần và danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng do đơn vị báo cáo.

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh; tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

- Tiếp nhận quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần do đơn vị báo cáo; tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

- Thông báo kinh phí để các đơn vị chi trả kịp thời cho đối tượng.

- Chỉ đạo và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

- Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

c) Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý xác nhận quá trình công tác trong quân đội cho đối tượng theo yêu cầu, bảo đảm chặt chẽ, chính xác; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện”.

3. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ sau:

a) Bổ sung cụm từ “bản sao” vào gạch đầu dòng thứ năm điểm b khoản 1 Điều 6.

b) Thay thế một số cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a khoản 2 Điều 1; khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 5; tên khoản 2 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Mẫu 2, Mẫu 5, Mẫu 6A, Mẫu 6B tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách-Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội” tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

c) Bãi bỏ một số cụm từ, từ sau:

- Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

- Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu 1A, Mẫu 1B, Mẫu 1C, Mẫu 7 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tại điểm a khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

“- 01 bản sao giấy chứng tử; 01 giấy ủy quyền (nếu có) (Mẫu số 03, bản chính). Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được giấy chứng tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân của đối tượng không phải nộp giấy chứng tử.”

2. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 5; tên khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5, điểm d điểm đ khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

c) Thay thế cụm từ “tỉnh, thành phố” bằng cụm từ “tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5; Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

d) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

đ) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 3 Điều 6, khổ cuối Điều 8 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

e) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ bảo hiểm xã hội” tại Mẫu số 07, Mẫu số 08 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 104/2024/TT-BQP;

g) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội các tỉnh (thành phố)” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5, Mẫu số 07, Mẫu số 08 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

3. Bãi bỏ một số điểm, cụm từ, từ như sau:

a) Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 6;

b) Bãi bỏ từ “huyện”, “huyện (quận)” tại Phụ lục số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, như sau:

“1. Đối tượng có đủ điều kiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch số

138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, như sau:

“2. Trình tự giải quyết chế độ

a) Đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần) lập bản khai và nộp 01 bộ hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử;

b) Từng đợt, trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân xã hoàn thành việc xét duyệt, lập 02 bộ hồ sơ cho từng đối tượng; lập Biên bản họp Hội đồng chính sách xã theo Mẫu số 2, làm công văn đề nghị theo Mẫu số 3A, kèm theo hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần và danh sách đối tượng được hưởng chế độ theo Mẫu số 3B, báo cáo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng chế độ hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại xác minh, làm rõ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo sau;

c) Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh cho ý kiến; hoàn thiện hồ sơ, làm công văn đề nghị theo Mẫu số 3A, gửi cấp có thẩm quyền theo quy định sau đây:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh báo cáo, đề nghị Bộ Tư lệnh Quân khu (qua Cục Chính trị) thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần, kèm theo mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ và danh sách đối tượng được hưởng chế độ theo Mẫu số 3B; lưu trữ mỗi trường hợp 01 bộ hồ sơ và danh sách đối tượng được hưởng chế độ.

- Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tổng hợp, đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần.

d) Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Mẫu số 4; chỉ đạo lưu trữ, số hóa hồ sơ theo quy định;

đ) Sau khi nhận được quyết định và được cấp kinh phí trợ cấp, trong thời gian 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo cơ quan thuộc quyền trao “Giấy chứng nhận” tham gia dân công hỏa tuyến và chi trả chế độ trợ cấp một lần cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 12 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

“b) Bản sao giấy chứng tử (trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này).”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, như sau:

“2. Trình tự thực hiện trợ cấp mai táng phí

a) Đối với thân nhân đối tượng

Nộp hồ sơ theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được các giấy tờ trong thành phần hồ sơ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ nêu trên.

b) Ủy ban nhân dân xã

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định của thân nhân đối tượng, kiểm tra, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, làm công văn đề nghị theo Mẫu 5A và danh sách đề nghị trợ cấp mai táng phí theo Mẫu số 5B gửi về Sở Nội vụ.

c) Sở Nội vụ

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân xã chuyển đến, kiểm tra, ra quyết định hưởng trợ cấp và chuyển quyết định cùng danh sách về Ủy ban nhân dân xã để thực hiện chế độ; đồng thời, lưu trữ, số hóa hồ sơ theo quy định.

d) Sau khi nhận được quyết định, danh sách và kinh phí trợ cấp do Sở Nội vụ chuyển về, trong thời gian 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo cơ quan thuộc quyền chi trả trợ cấp cho thân nhân đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐT BXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, như sau:

“1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm chủ tịch Hội đồng, cán bộ Ban chỉ huy quân sự xã, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) làm thường trực; các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy (hoặc chi bộ đối với nơi không có đảng bộ), Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, công an xã, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Người cao tuổi, Ban Liên lạc dân công hỏa tuyến (nếu có), giúp Ủy ban nhân dân xã hướng dẫn tổ chức thực hiện;

b) Xác định các đợt đi dân công hỏa tuyến của xã trong các thời kỳ, số lượng người đi dân công hỏa tuyến của mỗi đợt, báo cáo Ban chỉ đạo tỉnh tổng hợp (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) làm cơ sở xét duyệt, thẩm định tại xã.

c) Tuyên truyền, phổ biến về các chế độ, chính sách đối với nhân dân và những người tham gia dân công hỏa tuyến;

d) Chỉ đạo Hội đồng chính sách xã tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp; tổ chức xét duyệt dân chủ, công khai, minh bạch, chặt chẽ, chính xác theo quy định sau đây:

Khi tổ chức hội nghị xét duyệt do Hội đồng chính sách xã báo cáo, mời đại diện Bí thư chi bộ thôn có đối tượng, Ban Liên lạc Hội Cựu chiến binh, Ban Liên lạc Hội Cựu thanh niên xung phong, Ban Liên lạc dân công hỏa tuyến (nếu có) và một số đại biểu đại diện nguyên cán bộ phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; đại biểu đối tượng đã hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg cùng tham dự;

đ) Sau khi nhận được quyết định, danh sách hưởng chế độ và kinh phí trợ cấp, “Giấy chứng nhận” tham gia dân công hỏa tuyến do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đến, trong thời hạn 07 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền trao “Giấy chứng nhận” tham gia dân công hỏa tuyến và chi trả chế độ trợ cấp một lần cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử; tổng hợp, báo cáo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh theo quy định.

e) Đối với trường hợp đối tượng sinh quán và có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến ở địa phương, hiện đang thường trú ở địa phương khác, có yêu cầu xác nhận hồ sơ thì Hội đồng chính sách xã (với thành phần nêu trên) tổ chức xét duyệt, nếu đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân xã xác nhận và đề nghị Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng đang thường trú xem xét, đề nghị hưởng chế độ theo quy định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 13 như sau:

“c) Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho Sở Nội vụ quản lý, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định; chuyển quyết định, danh sách hưởng chế độ, kinh phí trợ cấp, “Giấy chứng nhận” tham gia dân công hỏa tuyến cho Ủy ban nhân dân xã để trao cho đối tượng cùng với việc chi trả chế độ trợ cấp một lần.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5 Điều 13 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm đ khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, như sau:

“a) Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện;

- Chủ trì, phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh.”

8. Bổ sung cụm từ “và số hóa” vào trước cụm từ “hồ sơ” tại điểm d khoản 4 Điều 13.

9. Thay thế, bãi bỏ một số mẫu, cụm từ, khoản sau:

a) Thay thế một số mẫu, cụm từ sau:

- Thay thế các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 2, Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 4, Mẫu số 5A, Mẫu số 5B, Mẫu số 5C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, được thay thế tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP bằng các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 2, Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 4, Mẫu số 5A, Mẫu số 5B, Mẫu số 5C Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

- Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a, d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 13; tên khoản 2 và điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

b) Bãi bỏ khoản 2 Điều 13.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP ngày 07 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 139/2011/TT-BQP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho sĩ quan phục viên

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho sĩ quan phục viên là bệnh viện và viện có giường bệnh của quân đội hoặc bệnh xá quân y và bệnh xá quân dân y có khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là bệnh viện quân đội) gần nhất nơi sĩ quan phục viên thường trú.

2. Trường hợp cấp cứu, sĩ quan phục viên được khám bệnh, chữa bệnh tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng nơi gần nhất; được hưởng các quyền lợi về khám bệnh, chữa bệnh theo quy định về miễn và giảm viện phí tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Chương II của Quy định này. Sau khi bệnh ổn định phải chuyển về bệnh viện đã đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh của sĩ quan phục viên

1. Sĩ quan phục viên về địa phương, làm đơn đề nghị đăng ký khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu kèm theo, gửi cùng bản sao Quyết định phục viên hoặc bản sao giấy chứng nhận có đủ 15 năm phục vụ trong quân đội đến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử. Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu, chuyển kèm hồ sơ đến bệnh viện quân đội ở gần nơi đối tượng thường trú nhất để làm thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu.

2. Bệnh viện quân đội căn cứ vào hồ sơ và giấy giới thiệu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, căn cước công dân hoặc căn cước của sĩ quan phục viên để cấp sổ khám bệnh, chữa bệnh cho sĩ quan phục viên.

3. Trường hợp sĩ quan phục viên thay đổi bệnh viện quân đội khám bệnh, chữa bệnh do di chuyển nơi thường trú, thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân đội mới được thực hiện theo giấy giới thiệu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (nơi thường trú mới) và sổ khám bệnh của bệnh viện cũ.

4. Sĩ quan phục viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy định này có nguyện vọng khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân đội thì đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, được hưởng các quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh và có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 8 như sau:

“a) Giấy chứng nhận thuộc diện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; thường trú tại các xã thuộc vùng sâu, vùng núi cao, biên giới, hải đảo do Ủy ban nhân dân xã cấp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 1 Điều 11 như sau:

“a) Sĩ quan phục viên thường trú tại các xã vùng sâu, vùng núi cao, biên giới, hải đảo thuộc những địa danh theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã cấp.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc khoản 1 Điều này thì không thu dung, điều trị đối tượng sĩ quan phục viên. Đối với trường hợp cấp cứu, sau khi tiến hành công tác sơ cứu, cấp cứu bước đầu theo phân cấp nhiệm vụ kỹ thuật phải chuyển bệnh nhân về bệnh viện quân đội đã đăng ký khám bệnh, chữa bệnh.”.

6. Bổ sung một số cụm từ sau:

- Bổ sung cụm từ “hoặc căn cước” vào sau cụm từ “căn cước công dân” tại khoản 2 Điều 8 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2024/TT-BQP;

- Bổ sung cụm từ “đặc khu” vào sau cụm từ “xã, phường” tại Mẫu số 01/2011/KB-SQPV ban hành kèm theo Thông tư số 139/2011/TT-BQP, được thay thế bởi Mẫu số 01/2024/KB-SQPV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

7. Bổ sung Mẫu đơn đề nghị đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Thay thế, bãi bỏ một số điều, cụm từ, từ sau:

a) Thay thế một số cụm từ, từ sau:

- Thay thế cụm từ “trong các cơ sở quân y” bằng cụm từ “tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng” tại tên Điều 1 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “các cơ sở quân y” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng” tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “thuộc tuyến” bằng cụm từ “nơi đăng ký” tại đoạn mở đầu Điều 8, khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BQP; Mẫu số 01/2011/KB-SQPV ban hành kèm theo Thông tư số 139/2011/TT-BQP, được thay thế bởi Mẫu số 01/2024/KB-SQPV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

- Thay thế cụm từ “theo tuyến” bằng cụm từ “gần nhất nơi thường trú” tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP.

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm e khoản 2 Điều 10, tên khoản 1 Điều 18 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “các bệnh viện, bệnh xá Quân đội” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng” tại tên Điều 17 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “Hậu cần” bằng cụm từ “Hậu cần - Kỹ thuật” tại khoản 1, khoản 5 Điều 19 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 3 Điều 19 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Thay thế cụm từ “chứng minh thư” bằng cụm từ “căn cước công dân hoặc căn cước” tại Mẫu số 01/2011/KB-SQPV ban hành kèm theo Thông tư số 139/2011/TT-BQP, được thay thế bởi Mẫu số 01/2024/KB-SQPV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

b) Bãi bỏ một số điều, cụm từ, từ sau:

- Bãi bỏ Điều 2 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “(qua Cục Quân y Tổng cục Hậu cần)” tại Điều 13 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP;

- Bãi bỏ từ “tuyến” tại điểm d khoản 1 Điều 18 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “quận, huyện” tại Mẫu số 01/2011/KB-SQPV ban hành kèm theo Thông tư số 139/2011/TT-BQP, được thay thế bởi Mẫu số 01/2024/KB-SQPV Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Ban chỉ huy quân sự xã quản lý và thực hiện chế độ đối với đối tượng 4 và 5.”.

2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản sau:

a) Thay thế một số cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm b khoản 4 Điều 6 Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “quận, huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm d khoản 4 Điều 6 Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 13, Điều 16; Mẫu số 04/2011/CBHu, Mẫu số 5d/2011/BC-HP Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Tổng cục Hậu cần” bằng cụm từ “Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật” tại khoản 2 Điều 10; điểm c, điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “tuyến quận, huyện hoặc bệnh viện quân khu, quân đoàn, quân chủng” bằng cụm từ “hoặc bệnh viện Quân đội” tại Mẫu số 01/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP, được sửa đổi, bổ sung bằng Mẫu số 01/2024/BHN Phụ lục II Thông tư số 13/2024/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “quận (huyện)” bằng cụm từ “xã” tại Mẫu số 02/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự quận (huyện)” bằng cụm từ “Phòng (Ban) Chính sách” tại Mẫu số 03/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Quân đội” tại Mẫu số 05/2011/GGT Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “thị trấn; huyện, thị” bằng cụm từ “đặc khu” tại Mẫu số 5a/2011/DS-HP, Mẫu số 5b/2011/DS-HP Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại Mẫu số 05/2011/GGT, Mẫu số 5a/2011/DS-HP, Mẫu số 5b/2011/DS-HP, Mẫu số 5c/2011/DS-HP Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP.

b) Bãi bỏ một số cụm từ sau:

- Bãi bỏ cụm từ “từ tuyến quận, huyện” tại điểm b khoản 5 Điều 6 Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “lập danh sách quản lý đối tượng” tại Mẫu số 03/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Bãi bỏ cụm từ “Thủ trưởng ban chỉ huy quân sự quận (huyện)” tại Mẫu số 03/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP;

- Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu số 04/2011/CBHu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP.

c) Bãi bỏ một số điểm sau:

- Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 6;
- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 11.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 157/2013/TT-BQP ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu do Quân đội quản lý bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2 Điều 13 như sau:

“- Phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đối tượng vào cơ sở Bảo trợ xã hội do Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) quản lý hoặc Trung tâm điều dưỡng thương binh (nếu là người có công) do Sở Nội vụ quản lý theo địa bàn hoặc gần nơi thường trú, bảo đảm chặt chẽ, chu đáo, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã, Ban chỉ huy quân sự xã và gia đình người bị bệnh tâm thần.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 13 như sau:

“b) Chủ trì phối hợp với đơn vị quản lý người bị bệnh tâm thần chuyển ra ngoài Quân đội; liên hệ với Sở Y tế hoặc Sở Nội vụ các địa phương chuyển đối tượng có nhu cầu hoặc không có thân nhân nhận nuôi dưỡng vào các cơ sở Bảo trợ xã hội hoặc Trung tâm điều dưỡng thương binh (nếu là người có công) trên địa bàn hoặc gần nơi thường trú của đối tượng, bảo đảm chặt chẽ, chu đáo.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 13 như sau:

“d) Chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Y tế và Sở Nội vụ các địa phương chỉ đạo các cơ quan chức năng kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 13, như sau:

“d) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hướng dẫn lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người bị bệnh theo quy định tại Thông tư này.

Theo phạm vi, chức năng, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tiếp tục đầu tư, củng cố nâng cấp nhà ở, nơi điều trị, trang bị phương tiện, dụng cụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, điều trị người bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần.”.

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm khoản sau đây:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 1, điểm e khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 13, khoản 2 Điều 16;

b) Thay thế cụm từ “Cục Quân y/Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật” tại điểm a khoản 2 Điều 6, Điều 7, khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9, khoản 1, điểm e khoản 2, tên điểm b, điểm c khoản 6 Điều 13;

c) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a khoản 6 Điều 13;

d) Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại gạch đầu dòng thứ hai điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 10; điểm b khoản 1 Điều 11;

đ) Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại Mẫu số 5, Mẫu số 6 Phụ lục các mẫu quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với người bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần ban hành kèm theo Thông tư số 157/2013/TT-BQP;

e) Bãi bỏ điểm đ khoản 6 Điều 13.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận; tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng được chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27 tháng 7 năm 2022 và sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 2 Điều 15; điểm e khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP;

b) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm d khoản 2 Điều 15; điểm c khoản 2 Điều 16; điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP;

c) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm g khoản 2 Điều 15; điểm b, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

2. Bãi bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm b khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 29 tại Thông tư số 55/2022/TT-BQP.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 107/2016/TT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân chuyên nghiệp có đủ 15 năm trở lên công tác trong Bộ Quốc phòng đã về phục viên

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đăng ký khám bệnh, chữa bệnh; quyền lợi, chế độ miễn, giảm tiền viện phí; phương thức thu, quản lý, sử dụng viện phí; sổ khám bệnh, quản lý và sử dụng sổ khám bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân có đủ 15 năm trở lên công tác trong Bộ Quốc phòng đã về phục viên.

2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng đăng ký khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân chuyên nghiệp có đủ 15 năm trở lên công tác trong Bộ Quốc phòng đã về phục viên quy định tại Thông tư này là các bệnh viện và viện có giường bệnh hoặc bệnh xá quân y và bệnh xá quân dân y có khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là bệnh viện quân y).”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đăng ký khám bệnh, chữa bệnh

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân phục viên thuộc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này là bệnh viện quân y ở gần nơi quân nhân phục viên thường trú nhất;

b) Trường hợp cấp cứu, quân nhân phục viên được khám bệnh, chữa bệnh tại bất kỳ bệnh viện quân y nào gần nhất; sau giai đoạn điều trị cấp cứu, quân nhân phục viên được chuyển vào điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã tiếp nhận cấp cứu hoặc được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân y khác để tiếp tục điều trị theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã điều trị ổn định. Quyền lợi về khám bệnh, chữa bệnh và chế độ miễn, giảm viện phí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 6 Thông tư này.

2. Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh:

a) Quân nhân phục viên về địa phương, đăng ký với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh). Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu cho quân nhân phục viên đến bệnh viện quân y ở gần nơi thường trú nhất để làm thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu theo quy định;

b) Bệnh viện quân y căn cứ vào giấy giới thiệu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, quyết định phục viên, căn cước công dân hoặc căn cước để cấp sổ khám bệnh cho quân nhân phục viên;

c) Trường hợp quân nhân phục viên thay đổi bệnh viện quân y khám bệnh, chữa bệnh do di chuyển nơi thường trú, thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân y mới được thực hiện theo giấy giới thiệu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (nơi thường trú mới) và sổ khám bệnh của bệnh viện cũ;

d) Quân nhân phục viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này có nguyện vọng khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân y thì đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, được hưởng các quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh và có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc khoản 1 Điều này thì không thu dung, điều trị đối với quân nhân phục viên. Đối với trường hợp cấp cứu, sau khi tiến hành công tác sơ cứu, cấp cứu bước đầu theo phân cấp nhiệm vụ kỹ thuật phải chuyển bệnh nhân về bệnh viện quân y đã đăng ký khám bệnh, chữa bệnh.”.

4. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, từ, điểm, khoản sau đây:

a) Thay thế các cụm từ như sau:

- Thay thế cụm từ “cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân xã” tại điểm a khoản 3 Điều 4 và điểm b khoản 1 Điều 6;

- Thay thế cụm từ “chứng minh nhân dân” bằng cụm từ “căn cước công dân hoặc căn cước” tại khoản 2 Điều 4 và Mẫu số 01/2016/KB-QNCNPV ban hành kèm theo Thông tư số 107/2016/TT-BQP;

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm đ khoản 2 Điều 5, tên khoản 4 Điều 10;

- Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại điểm đ khoản 1 Điều 6;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 12;

- Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại điểm a khoản 3 Điều 4 và Mẫu số 01/2016/KB-QNCNPV ban hành kèm theo số Thông tư số 107/2016/TT-BQP.

- Thay thế cụm từ “có hộ khẩu và cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại điểm a khoản 1 Điều 6.

b) Bãi bỏ từ, cụm từ sau đây:

- Bãi bỏ cụm từ “theo tuyến” tại điểm a khoản 2 Điều 5;
- Bãi bỏ cụm từ “thuộc tuyến” tại đoạn mở đầu khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8, Mẫu số 01/2016/KB-QNCNPV ban hành kèm theo số Thông tư số 107/2016/TT-BQP;
- Bãi bỏ cụm từ “quận, huyện” tại Mẫu số 01/2016/KB-QNCNPV ban hành kèm theo số Thông tư số 107/2016/TT-BQP;
- Bãi bỏ từ “tuyến” tại điểm d khoản 4 Điều 10.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Hàng năm, chỉ đạo, hướng dẫn lập dự toán và phân cấp xăng dầu hỗ trợ tổ chức lễ tang cho các cơ quan, đơn vị; chỉ đạo công tác bảo đảm kỹ thuật cho các phương tiện ô tô, xe máy phục vụ Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao do Bộ Quốc phòng chủ trì; thực hiện các nội dung có liên quan theo chức năng.”

2. Thay từ, bãi bỏ một số cụm từ, điều, khoản, điểm như sau:

a) Thay thế các cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 28, tên khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 37;
- Thay thế cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 17;
- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị thuộc quyền” tại điểm c khoản 2 Điều 26;
- Thay thế cụm từ “Cục Quân huấn” bằng cụm từ “Cục Quân huấn - Nhà trường” tại tên khoản 1 Điều 30;
- Thay thế cụm từ “Tiểu lễ phục mùa đông” bằng cụm từ “Tiểu lễ” tại khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 5;
- Thay thế cụm từ “Tiểu lễ phục theo mùa” bằng cụm từ “Tiểu lễ” điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5;

- Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại điểm a, c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 2 Điều 26.

b) Bãi bỏ điều, cụm từ sau:

- Bãi bỏ Điều 32;

- Bãi bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại khoản 3 Điều 17.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi bổ sung gạch đầu dòng thứ ba điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 95/2016/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP như sau:

“Nhận giấy chứng nhận và giao cho hạ sĩ quan, binh sĩ (trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ nhận trực tiếp)”.

2. Sửa đổi bổ sung điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 95/2016/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP như sau:

“Cấp trung đoàn hoặc tương đương: Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của đơn vị cấp dưới, hoàn thành việc xem xét, cấp giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí bằng hình thức trực tiếp hoặc trên môi trường điện tử”.

3. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 9, khổ cuối Điều 10 Thông tư số 95/2016/TT-BQP;

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại điểm b khoản 1 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 9 Thông tư số 95/2016/TT-BQP;

c) Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 95/2016/TT-BQP.

4. Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục mẫu biểu hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BQP, được thay thế bằng Mẫu số 02, Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 298/2017/TT-BQP ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 9 Điều 7 như sau:

“b) Chi tổ chức Lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ, bao gồm: Trang trí khánh tiết, vòng hoa, hương, nến, lễ vật thờ cúng theo phong tục địa phương, bồi dưỡng lực lượng phục vụ; mức chi tối đa không quá 40.000.000 đồng/01 buổi lễ đối với cấp tỉnh, đối với cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chỉ đạo, hướng dẫn việc bảo đảm trang phục, phương tiện hậu cần, đời sống, vật tư, xăng dầu theo quy định; phối hợp bảo đảm trang bị, phương tiện; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định.”.

3. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, khoản, điều sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 12 Điều 6, điểm c khoản 4 Điều 7, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 9; khoản 2 Điều 11;

b) Thay thế cụm từ “chứng minh nhân dân” bằng cụm từ “căn cước công dân hoặc căn cước” tại Mẫu 03 Phụ lục mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 298/2017/TT-BQP;

c) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm d khoản 5, điểm c khoản 9 Điều 7;

d) Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại Mẫu 03 Phụ lục mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư số 298/2017/TT-BQP;

đ) Bãi bỏ khoản 4 Điều 9.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 170/2018/TT-BQP ngày 16 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Đề nghị Bộ Nội vụ:

a) Chỉ đạo Sở Nội vụ các địa phương tiếp nhận hồ sơ của Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài chuyển đến, tổ chức xét duyệt, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt

là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ đối với đối tượng là người có công với cách mạng đang định cư ở nước ngoài nhưng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng do hoạch định biên giới Quốc gia và đối tượng vừa là người có công với cách mạng vừa là người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đối tượng không đủ điều kiện hưởng chế độ hoặc còn thiếu thủ tục, giấy tờ theo quy định thì kết luận bằng văn bản và gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để trả lời hoặc đề nghị đối tượng (thân nhân đối tượng) bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Theo từng đợt, căn cứ đề nghị bảo đảm kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm theo quy định;

c) Hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chế độ bảo hiểm y tế và mai táng phí đối với đối tượng về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

d) Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh.

2. Đề nghị Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng;

b) Hướng dẫn đối tượng hoặc thân nhân đối tượng lập hồ sơ đề nghị hưởng chế độ; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp, lập danh sách, chuyển hồ sơ đối tượng hoặc thân nhân đối tượng về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ) hoặc Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để giải quyết chế độ hỗ trợ theo thẩm quyền và quy trình, trách nhiệm giải quyết quy định tại khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

c) Tổ chức chi trả chế độ, trao “Giấy chứng nhận” cho đối tượng hoặc thân nhân đối tượng; theo từng đợt hoàn chỉnh bảng kê danh sách chi trả chế độ hỗ trợ, chứng từ thanh toán gửi về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Quốc phòng để thanh quyết toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

d) Phối hợp giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức tốt việc tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách đối với nhân dân và thân nhân đối tượng. Tổ chức tập huấn, triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng trên địa bàn bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, thuận tiện, không để xảy ra sai sót, tiêu cực;

b) Chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương, ngành Nội vụ tiếp nhận hồ sơ, tổ chức xét duyệt, thẩm định; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định hưởng chế độ và đề nghị Bộ Nội vụ bảo đảm kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP. Tổ chức thực hiện chặt chẽ, kịp thời chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí đối với đối tượng khi về nước định cư theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

4. Đối với Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; tổ chức tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ chuyên môn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền; triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với các đối tượng trên địa bàn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP;

b) Báo cáo Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ (mỗi loại 01 bản) để quản lý, theo dõi theo quy định.

Báo cáo Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ hỗ trợ (mỗi loại 02 bản) để tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí theo quy định.

c) Căn cứ quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với từng đối tượng, chuyển về Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội để bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tổ chức chi trả chế độ và trao “Giấy chứng nhận” cho thân nhân đối tượng;

d) Chủ trì kiểm tra, giải quyết những vướng mắc phát sinh ở cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc quyền quản lý; tổ chức xác minh, kết luận hoặc có văn bản chỉ đạo, đề nghị đơn vị, địa phương xác minh, kết luận khi phát hiện khai man, giả mạo giấy tờ để hưởng chế độ.

5. Đối với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng:

a) Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện;

- Xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ hỗ trợ, ký “Giấy chứng nhận” đối với đối tượng không ủy quyền cho thân nhân ở trong nước lập hồ sơ, nhận chế độ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng. Thực hiện chuyển kinh phí hỗ trợ kèm theo quyết định, “Giấy chứng nhận” và danh sách đối tượng được hưởng chế độ đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức chi trả và thanh quyết toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 102/2018/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đối tượng không đủ điều kiện hưởng chế độ hoặc còn thiếu thủ tục, giấy tờ theo quy định thì kết luận bằng văn bản và gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để trả lời hoặc đề nghị đối tượng (thân

nhân đối tượng) bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

- Chủ trì, phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh.

b) Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại đơn vị, xác nhận quá trình công tác trong Quân đội cho các đối tượng bảo đảm chặt chẽ, chính xác; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

Báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng giao dự toán ngân sách, cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chi trả chế độ cho đối tượng; quản lý, chỉ đạo thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết vướng mắc, phát sinh trong tổ chức thực hiện.”.

2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ sau:

a) Bổ sung cụm từ “(trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân đối tượng không phải nộp giấy tờ này)” vào sau cụm từ “giấy chứng tử” tại khoản 2 Điều 4.

b) Thay thế cụm từ “chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “chuyển Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền” tại điểm b khoản 1 Điều 5;

c) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 2 Điều 8.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khổ cuối khoản 1 Điều 5 như sau:

“Trường hợp quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ hy sinh do có hành động đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội (quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh); trước khi cấp giấy chứng nhận hy sinh, cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận hy sinh có văn bản đề nghị theo phân cấp kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương (qua Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị); tiếp nhận quyết định để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận hy sinh.”

2. Sửa đổi, bổ sung khổ cuối khoản 1 Điều 7 như sau:

“Trường hợp quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ bị thương do có hành động đặc biệt dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân hoặc ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi phạm tội, là tấm gương có ý nghĩa tôn vinh, giáo dục, lan tỏa rộng rãi trong xã hội (quy định tại điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh); trước khi cấp giấy chứng nhận bị thương, cơ quan, đơn vị cấp giấy chứng nhận bị thương có văn bản đề nghị theo phân cấp kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quyết định tổ chức phát động học tập tấm gương (qua Cục Tuyên huấn/Tổng cục Chính trị); tiếp nhận quyết định để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận bị thương.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:

“2. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Nghị định, có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các giấy tờ làm căn cứ đề nghị công nhận liệt sĩ, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận hy sinh. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có văn bản kèm theo danh sách và hồ sơ đề nghị Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đề nghị Cục Chính trị quân khu.

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ do Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị hoặc Cục Chính trị quân khu chuyển đến, có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị thông báo đến thân nhân liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ), phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân liệt sĩ thường trú để tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho thân nhân (trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh); bàn giao hồ sơ kèm theo bản sao quyết định cấp bằng về Sở Nội vụ nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ để thực hiện chế độ ưu đãi.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 77 Nghị định, có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các giấy tờ làm căn cứ đề nghị công nhận thương binh, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận bị thương. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có văn bản kèm theo danh sách và hồ sơ đề nghị Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị, Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh đề nghị Cục Chính trị quân khu. Trường hợp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định không ghi nhận các vết thương cụ thể hoặc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định mà có khai thêm các vết thương khác thì chỉ đạo Hội đồng kiểm tra vết thương thực thể (Hội đồng kiểm tra vết thương thực thể do Thủ trưởng cơ quan Hậu cần - Kỹ thuật làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm: Trưởng phòng (ban) Chính sách, Cán bộ, Bảo vệ An ninh, Quân lực, Quân y và Bệnh xá trưởng

(nếu có)), kiểm tra và lập biên bản kiểm tra vết thương thực thể theo Mẫu số 46 Phụ lục I Nghị định, trước khi cấp giấy chứng nhận bị thương.

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp và hồ sơ do cơ quan cấp trên chuyển đến; chỉ đạo cơ quan, đơn vị giải quyết chế độ ưu đãi, bàn giao quyết định và giấy chứng nhận thương binh (nếu có) cho đối tượng; di chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi đối tượng thường trú để quản lý và thực hiện chế độ ưu đãi.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Cơ quan chính trị đơn vị trực thuộc Bộ nơi quản lý hồ sơ người có công, trong thời gian 06 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định, có trách nhiệm kiểm tra; có văn bản kèm theo đơn, giấy xác nhận và bản sao hồ sơ người có công gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú để thực hiện chế độ ưu đãi theo quy định.”

6. Thay thế một số cụm từ; bãi bỏ một số khoản sau:

a) Thay thế một cụm từ sau:

- Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 2 Điều 4; khoản 2, khoản 3 Điều 5; khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 15; khoản 4 Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 23; điểm a khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 25; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 27;

- Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 1, khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 7; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 8; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 13; điểm c khoản 1 Điều 14; khoản 3, khoản 4 Điều 16; khoản 3, khoản 4 Điều 17; khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 18; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 20; khoản 2, khoản 3 Điều 22; điểm b, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23; điểm b, điểm c khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 24; khoản 2, khoản 3 Điều 25; điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 điều 26; điểm a, điểm b, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 30;

- Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 5;

- Thay thế cụm từ “Hậu cần” bằng cụm từ “Hậu cần - Kỹ thuật” tại khoản 2 Điều 18;

- Thay thế cụm từ “cư trú” bằng cụm từ “thường trú” tại khoản 3 Điều 3.

b) Bãi bỏ một số khoản sau:

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 16;

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 17.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung một điều của Thông tư số 80/2022/TT-BQP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và bàn giao hài cốt liệt sĩ

1. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 6; điểm c điểm d khoản 2 Điều 7, điểm e điểm g khoản 3 Điều 8; điểm b khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 25; khoản 2 Điều 27;

b) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 16; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19; điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20;

c) Thay thế cụm từ “hộ khẩu thường trú” bằng cụm từ “Nơi thường trú” tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 80/2022/TT-BQP.

2. Bãi bỏ một số từ, cụm từ sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “về cơ quan quân sự cấp huyện để tổng hợp báo cáo” tại điểm đ khoản 2 Điều 7;

b) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 19;

c) Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 80/2022/TT-BQP.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm b khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS;

- Tại Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng;

- Tại khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

3. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ.

4. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (khi có đủ điều kiện) theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.

5. Đối với đối tượng công an nhân dân đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ thì trách nhiệm, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./. *gk*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Ngoại giao;
- Trung ương Hội CCB Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Tài chính, Pháp chế, Quân lực, Chính sách-Xã hội⁽⁰³⁾, Cán bộ, Quân y;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC/Bộ Tư pháp;
- Cục Người có công/Bộ Nội vụ;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Công TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, KH. H92.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Thượng tướng Võ Minh Lương

Phụ lục I

(Kèm theo Thông tư số 103 /2025/TT-BQP ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách)

Mẫu số 1a	Bản khai cá nhân
Mẫu số 1b	Tờ khai của thân nhân
Mẫu số 1c	Giấy ủy quyền
Mẫu số 3	Biên bản hội nghị của Hội Cựu chiến binh
Mẫu số 4	Bản xác nhận và đề nghị
Mẫu số 5	Công văn đề nghị giải quyết chế độ cho đối tượng
Mẫu số 6a	Danh sách quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp
Mẫu số 6b	Danh sách quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã từ trần trước ngày 01/5/2002

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định
số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ

Họ và tên:..... Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Quê quán:

Nơi thường trú:

Vào Đảng: Chính thức

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVQP) ngày..... tháng..... năm

Đơn vị khi nhập ngũ: (c, d, e, f...) hoặc đơn vị tuyển dụng:

Tái ngũ (nếu có) ngày... tháng... năm Đơn vị: (c, d, e, f...).....

Phục viên (giải ngũ, thôi việc) ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc, chức vụ, đơn vị trước khi phục viên (giải ngũ, thôi việc):.....

.....

.....

Nghề nghiệp sau khi phục viên (giải ngũ, thôi việc):

Các giấy tờ cá nhân có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp (kèm theo)

.....

Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Pháp:

Loại Huân, Huy chương (năm khen thưởng)

.....

Hiện nay đang hưởng các chế độ gì (Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng hoặc chế độ khác):

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

BẢNG KÊ THỜI GIAN CÔNG TÁC, CHIẾN ĐẤU KHI TẠI NGŨ

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f...)	Cộng thời gian (tháng)
Tổng số thời gian tham gia kháng chiến: năm..... tháng.				

Những người biết được quá trình tham gia kháng chiến chống Pháp của ông (bà):

1. Họ tên: Nơi thường trú:

2. Họ tên: Nơi thường trú:

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./. 

Xác nhận của Ủy ban nhân dân...
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CỦA THÂN NHÂN
Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định
số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ

1. Phần khai về thân nhân của đối tượng:

Họ và tên: Nam, nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Quê quán:

Nơi thường trú:

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

Những người cùng hàng thừa kế gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Phần khai về đối tượng:

Họ và tên: Nam, nữ

Ngày, tháng, năm sinh:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nhập ngũ (hoặc tuyển dụng vào CNVQP) ngày..... tháng..... năm

Phục viên (giải ngũ, thôi việc) ngày..... tháng..... năm.....

Nghề nghiệp sau khi phục viên (giải ngũ, thôi việc):.....

Đã từ trần ngày..... tháng..... năm

Các giấy tờ cá nhân có liên quan đến tham gia kháng chiến chống pháp (kèm theo)

.....
Đã được khen thưởng tổng kết kháng chiến chống Pháp:

Loại Huân, Huy chương (năm khen thưởng):

.....
Đối tượng đã được hưởng chế độ gì (Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng hoặc chế độ khác):

.....
(Đối với đối tượng từ trần từ ngày 01 tháng 5 năm 2002 trở về sau)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f...)	Cộng thời gian (tháng)
Tổng số thời gian tham gia kháng chiến		 năm..... tháng.		

Những người biết được quá trình tham gia kháng chiến chống Pháp của ông (bà):

1. Họ tên: Nơi thường trú:

2. Họ tên: Nơi thường trú: :

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật./. 

Xác nhận của Ủy ban nhân dân ...
(Ký tên, đóng dấu)

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Tên tôi là: ¹ Năm sinh:
Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)
Quê quán:
Nơi thường trú:
Là của Ông (Bà)..... thuộc đối tượng thi hành
Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.
Nay ủy quyền cho là Ông (Bà)
Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)
Thường trú tại:
.....lập bảng kê khai
đề nghị hưởng chế độ./. 

Xác nhận của Ủy ban nhân dân ...
(Ký tên, đóng dấu)

Người ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Trường hợp những người ủy quyền thường trú trong cùng một xã thì chỉ cần một người đại diện cho những người ủy quyền đứng khai. Những người còn lại cùng hàng thừa kế cùng ký tên vào trong giấy ủy quyền này.

Tỉnh (thành phố):.....
Xã (phường, đặc khu):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ CỦA BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH

**Đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.**

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Thành phần gồm:

1. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh xã (phường, đặc khu); Tổng số:.... đ/c; Có mặt:...đ/c; Vắng mặt:.... đồng chí.
2. Đại biểu Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp:

.....
.....
.....
.....
.....

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhất trí xác nhận:

Ông (bà): Sinh năm:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là quân nhân, CNVQP tham gia kháng chiến chống Pháp có thời gian phục vụ quân đội từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tổng số thời gian tham gia phục vụ quân đội là: năm tháng.

Các giấy tờ có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp:

.....

Đối tượng hiện nay không hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

Còn sống hay đã từ trần (nếu đã từ trần ghi rõ ngày, tháng, năm)

Mức hưởng:

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ cho đối tượng./.

ĐẠI BIỂU CỰU CHIẾN BINH
tham gia kháng chiến chống Pháp
(ký tên)

TM/BCH HỘI CỰU CHIẾN BINH ...
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN XÁC NHẬN VÀ ĐỀ NGHỊ
Hưởng chế độ theo Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002
của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi:

Căn cứ vào Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước; Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chính sách xã (phường, đặc khu);

Ủy ban nhân dân xã (phường, đặc khu)..... đã tổ chức xác minh và xét duyệt; niêm yết, thông báo danh sách xin ý kiến nhân dân.

Xác nhận và đề nghị:

Ông (bà): Sinh năm:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là quân nhân, CNVQP tham gia kháng chiến chống Pháp có thời gian phục vụ quân đội từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

Tổng số thời gian tham gia phục vụ quân đội là: năm tháng.

Các giấy tờ có liên quan đến tham gia kháng chiến chống Pháp:

Đối tượng hiện nay không hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng.

Còn sống hay đã từ trần (nếu đã từ trần ghi rõ ngày, tháng, năm):

Mức hưởng:

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận trên. Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ cho đối tượng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:¹

Căn cứ vào Thông tư Liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng - Tài chính; Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

.....¹ đề nghị.....² xem xét, giải quyết chế độ cho các đối tượng có thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp như sau:

- Tổng số đối tượng:.....

- Tổng số tiền:.....

(Bằng chữ:.....)

Trong đó:

1. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Pháp còn sống và đối tượng đã tử trận từ ngày 01 tháng 5 năm 2002 trở về sau:

- Tổng số:.....

- Số tiền:.....

2. Đối tượng tham gia kháng chiến chống Pháp đã tử trận trước ngày 01 tháng 5 năm 2002:

- Tổng số

- Số tiền:.....

Các trường hợp này đã có đủ hồ sơ theo quy định và được kiểm tra kỹ (có danh sách và hồ sơ kèm theo)./. 

.....

.....

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, đơn vị đề nghị (dùng thống nhất cho các cấp từ xã (phường, đặc khu) đến Quân khu);

² Cấp trên tiếp nhận hồ sơ.

.....

**DANH SÁCH QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN QUỐC
PHÒNG THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

**Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số
47/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Còn sống hay đã tử trần	Số năm được hưởng	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng được hưởng:...
đối tượng.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổng số tiền:..... đồng.
(Bằng chữ.....)

..., ngày... tháng... năm.....
.....
(Ký, đóng dấu)

..... DANH SÁCH QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN VIÊN QUỐC PHÒNG
THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP ĐÃ TỬ TRẦN
TRƯỚC NGÀY 01/5/2002

Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 47/2002/QĐ-
TTg của Thủ tướng Chính phủ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Mức hưởng (đồng)	Ghi chú

Tổng số đối tượng được hưởng:..... đối tượng; Tổng số tiền:..... đồng.

(Bằng chữ.....)/. 

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày..... tháng.....năm.....
.....
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục II

(Kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách)

Mẫu 7A	Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng
Mẫu 7B	Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng
Mẫu 09	Giấy giới thiệu

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTL

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng
theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008
của Thủ tướng Chính phủ

.....¹

Căn cứ Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị¹
tại Công văn số...../..... ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ông (bà):

Sinh ngày:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nhập ngũ: Ngày ... tháng ... nămTái ngũ: Ngày ... tháng ... năm

Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm

Thời gian công tác thực tế trong quân đội được hưởng chế độ là ... năm ... tháng.

Số tiền trợ cấp: đồng/tháng (.....).

Chế độ trợ cấp hàng tháng được thực hiện từ tháng 01 năm 2009.

Nơi nhận trợ cấp hàng tháng (tỉnh, thành phố):

Điều 2. Số tiền truy thu (nếu có) là:..... đồng.

(Bằng chữ:).

Điều 3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

.....²

Nơi nhận:

- Bộ CHQS tỉnh.....;
- Sở Nội vụ tỉnh.....;
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu:

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ¹ BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội.
- ² Chức vụ người ký.

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTL , ngày.... tháng.... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

**Về chế độ trợ cấp một lần với quân nhân tham gia
kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg
ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ**

.....¹

Căn cứ Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Chính trị¹.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho: đối tượng, là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 15 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (hoặc đã tù trần).

Với số tiền là: đồng.

(Bằng chữ:).

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Chủ nhiệm Chính trị.....¹ và các ông (bà)
có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Chính sách-Xã hội/TCCT;
- Cục Tài chính/BQP;
- Lưu: VT,.....

.....²
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ¹ BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội.
- ² Chức vụ người ký.

BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 20....

GIẤY GIỚI THIỆU

**Chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg
ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Sở Nội vụ

Bộ Tư lệnhgiới thiệu:

Ông (bà) Bí danh Nam, nữ.

Sinh ngày..... tháng năm

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Số năm tính hưởng trợ cấp hàng tháng là: năm.

Số tiền trợ cấp hàng tháng là: đồng/tháng.

(Bằng chữ:).

Số tiền truy thu (nếu có) là: đồng.

(Bằng chữ:).

Nay chuyển hồ sơ (01 bộ) đến Sở Nội vụ, gồm:

1. Bản khai cá nhân.
2. Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội).
3. Quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của Bộ Tư lệnh quân khu (Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội).

Đề nghị Sở Nội vụ..... tiếp nhận và chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng cho ông (bà) có tên trên từ tháng 01 năm 2009./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ CHQS,
- Lưu:.....

.....²
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- ¹ BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội.
- ² Chức vụ người ký.

Phụ lục III

(Kèm theo Thông tư số **103** /2025/TT-BQP ngày **16** tháng **9** năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách)

Mẫu số 1A	Bản khai cá nhân
Mẫu số 1B	Bản khai thân nhân
Mẫu số 2	Biên bản họp Hội đồng chính sách xã (phường, đặc khu)
Mẫu số 3A	Công văn đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần
Mẫu số 3B	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần
Mẫu số 4	Quyết định về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần
Mẫu số 5A	Công văn đề nghị hưởng trợ cấp mai táng phí
Mẫu số 5B	Danh sách đối tượng từ trần đề nghị trợ cấp mai táng phí
Mẫu số 5C	Công văn đề nghị hưởng trợ cấp mai táng phí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN
**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-
TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

1. Họ và tên:; Nam, nữ:.....
2. Sinh ngày tháng năm
3. Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)
4. Dân tộc:; Tôn giáo:
5. Quê quán:.....
6. Nơi thường trú:
7. Ngày vào đảng: Chính thức:
8. Khen thưởng: Kỷ luật:
9. Hồ sơ, giấy tờ liên quan còn giữ được:
10. Hiện nay đang hưởng chế độ, chính sách gì:
11. Nghề nghiệp hiện nay:
12. Đã được hưởng chế độ bảo hiểm y tế (Đã hưởng ☐; chưa hưởng ☐)
13. Đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại:
14. Quá trình tham gia dân công hỏa tuyến:
- Đợt 1:
+ Ngày đi:
+ Nơi đi:
+ Ngày về:
+ Nơi về:
+ Cấp huy động tập trung:
+ Nhiệm vụ được giao:
+ Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:

- + Người chỉ huy
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng đi:
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng về:

- Đợt 2:

- + Ngày đi:
- + Nơi đi:
- + Ngày về:
- + Nơi về:
- + Cấp huy động tập trung:
- + Nhiệm vụ được giao:
- + Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:
- + Người chỉ huy
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng đi:
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng về:

- Đợt 3:

- + Ngày đi:
- + Nơi đi:
- + Ngày về:
- + Nơi về:
- + Cấp huy động tập trung:
- + Nhiệm vụ được giao:
- + Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:
- + Người chỉ huy
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng đi:
- + Người trong thôn, xã (phường, đặc khu) cùng về:

Tổng thời gian tham gia dân công hỏa tuyến: năm tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày....tháng....năm 20.....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN

Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ
(Đối với đối tượng đã từ trần)

I. PHÂN KHAI VỀ THÂN NHÂN CỦA ĐỐI TƯỢNG

Họ và tên: Bí danh: Nam, nữ.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước)

Quê quán:

Nơi thường trú:

Đơn vị, cơ quan công tác:

Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là:

II. PHÂN KHAI VỀ ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên đối tượng:; Nam, nữ:

2. Năm sinh:

3. Dân tộc:; Tôn giáo:

4. Quê quán:

5. Từ trần: Ngày tháng năm tại:

6. Hồ sơ, giấy tờ liên quan còn giữ được:

7. Quá trình tham gia dân công hỏa tuyến:

- Đợt 1:

+ Ngày đi:

+ Nơi đi:

+ Ngày về:

+ Nơi về:

+ Cấp huy động tập trung:

+ Nhiệm vụ được giao:

+ Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:

- Đợt 2:

+ Ngày đi:

+ Nơi đi:

+ Ngày về:

+ Nơi về:

+ Cấp huy động tập trung:

+ Nhiệm vụ được giao:

+ Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:

- Đợt 3:

+ Ngày đi:

+ Nơi đi:

+ Ngày về:

+ Nơi về:

+ Cấp huy động tập trung:

+ Nhiệm vụ được giao:

+ Địa bàn thực hiện nhiệm vụ:

Tổng thời gian tham gia dân công hỏa tuyến: năm tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.



.....ngày....tháng....năm 20....

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI
(NẾU CÓ)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CHÍNH SÁCH XÃ (PHƯỜNG, ĐẶC KHU)
Xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định
số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Hôm nay, ngày tháng năm 20....

Hội đồng chính sách xã (phường, đặc khu).....

Chúng tôi gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng chính sách xã (phường, đặc khu):Chức vụ
2. Đại diện cán bộ quân sự: Chức vụ
3. Đại diện ngành Nội vụ:Chức vụ
4. Đại diện Đảng ủy xã (phường, đặc khu) (chi bộ): Chức vụ
5. Đại diện Hội đồng nhân dân: Chức vụ
6. Đại diện Công an xã (phường, đặc khu): Chức vụ
7. Đại diện Hội Cựu chiến binh: Chức vụ
8. Đại diện Hội Cựu thanh niên xung phong: Chức vụ
9. Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã (phường, đặc khu): Chức vụ
10. Đại diện Hội Người cao tuổi:
11. Đại diện Ban Liên lạc dân công hỏa tuyến (nếu có)
12. Trưởng thôn:

Đại biểu cơ quan quân sự cấp trên:

Thành phần khác được mời:

1. Đại diện
- 2.....
- 3.....

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhất trí đề nghị:

Ông (bà): Bí danh: sống (chết).

Sinh ngày tháng năm Từ trần ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi thường trú (*trường hợp đối tượng từ trần thì không ghi*).....

Là đối tượng dân công hỏa tuyến tham gia

Tổng thời gian tham gia: tháng năm.

Hiện đang được hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng (hoặc chưa được hưởng chính sách gì):

Các giấy tờ của đối tượng còn lưu giữ:

.....
.....

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho Ông (Bà) hoặc thân nhân của đối tượng là Ông (Bà) được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Biên bản lập thành bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên dưới đây: 

**Đại diện Đảng
ủy xã (phường,
đặc khu)**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Đại diện ngành
nội vụ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ban Chỉ huy quân
sự xã (phường, đặc
khu)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch Hội đồng
chính sách**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ
họ tên)

**Đại diện Mặt
trận Tổ quốc**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện công an
xã (phường, đặc
khu)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Hội đồng
nhân dân**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Ban
Liên lạc dân
công hỏa tuyến**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Đại diện Hội
Người cao tuổi**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Hội Cựu
TNXP**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Hội Cựu
chiến binh**
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....
.....¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đề nghị hưởng chế độ
trợ cấp một lần theo Quyết định
số Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:
.....²

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về thực hiện chế độ đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Thông tư số/2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Căn cứ vào hồ sơ của đối tượng và đề nghị của
.....¹ đề nghị² giải quyết chế độ trợ
cấp một lần cho đối tượng.

(Có danh sách và hồ sơ kèm theo).

Đề nghị² xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

-;
-;
-;
- Lưu:

.....³
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho cấp xã (phường, đặc khu) trở lên.
- ¹ Cấp đề nghị.
- ² Cấp trên trực tiếp.
- ³ Chức vụ người ký.

DANH SÁCH

Dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn đề nghị số ngày tháng năm 20.... của)

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Sống hay chết	Thời gian được hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Nơi đăng ký khám chữa bệnh ban đầu

- Tổng số đối tượng:

....., ngày tháng năm *nl*

- Tổng số tiền:

.....²

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

.....²
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho cấp xã (phường, đặc khu) trở lên.

- ¹ Cấp đề nghị.

- ² Chức vụ người ký.

.....
.....¹
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....
....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với dân công hỏa tuyến tham gia
kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm
vụ quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ
tướng Chính phủ

.....¹

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách;

Theo đề nghị của².

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho: đối tượng,
Là dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.
Với số tiền là đồng.

(Bằng chữ:).

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. (2) và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

-;
-;
-;
-;
- Lưu: VT.....

.....³
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội.
- ¹ BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội.
- ² CNCT quân khu hoặc CNCT BTL Thủ đô Hà Nội.
- ³ Chức vụ người ký.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UB-ĐN

V/v đề nghị hưởng trợ cấp
mai táng phí

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.

Ủy ban nhân dân đề nghị:

Ông (bà): Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là thân nhân của ông (bà): thuộc đối tượng dân công hỏa tuyến, đã được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; từ trần ngày.....tháng năm tại:

Được hưởng trợ cấp mai táng phí theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg.

(Có hồ sơ kèm theo)

Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết./. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

Mẫu này dùng cho cấp xã (phường, đặc khu) trở lên.

.....
.....¹
.....

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TỪ TRẦN ĐỀ
NGHỊ TRỢ CẤP MAI TÁNG PHÍ
theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg**

(Kèm theo Công văn đề nghị số ngày
tháng.... năm 20của ².....)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Số Quyết định hưởng trợ cấp một lần	Ngày, tháng, năm từ trần	Mức hưởng (đồng)

- Tổng số đối tượng:

....., ngày tháng năm

Người lập danh sách

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

.....²

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho cấp xã (phường, đặc khu) trở lên.
- ¹ Cấp đề nghị.
- ² Chức vụ người ký.

.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v đề nghị hưởng trợ cấp
mai táng phí

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi:.....

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Thông tư số /2025/TT-BQP ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.

..... đề nghị xem xét, giải quyết trợ cấp mai táng phí đối với thân nhân của dân công hỏa tuyến như sau:

- Tổng số đối tượng:
- Tổng số tiền:

Các đối tượng trên đã được xét duyệt theo quy định.

(Có danh sách và hồ sơ kèm theo).

Đề nghị xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Lưu.

.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dùng cho Sở Nội vụ.

Phụ lục IV

(Kèm theo Thông tư số 103 /2025/TT-BQP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố).....

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:.....

Số CCCD/CC: Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Quê quán:.....

Nơi thường trú:.....

Số điện thoại:.....

Ngày, tháng, năm nhập ngũ:.....

Quyết định phục viên số: Ngày cấp..... Nơi cấp.....

Cấp bậc khi phục viên:.....

Đơn vị khi phục viên:.....

Đề nghị được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân đội theo quy định./. OK

.... ngày ... tháng ... năm ...

Người khai

(Ký, ghi rõ họ và tên)